

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.
2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 197, ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và chồng là anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu, quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh K vào ngày 28/9/2017. Anh, chị chung sống hạnh phúc được vài ngày thì phát sinh mâu thuẫn và chị đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do cha chồng không đồng ý

cuộc hôn nhân này vì quan điểm kỳ thị người Bắc. Ngoài ra, vợ chồng anh, chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến tiền nong trong gia đình, từ đó không có tiếng nói chung. Anh, chị đã sống ly thân khoảng một năm nay. Quá trình chung sống anh, chị có đứa con chung tên là Nguyễn Trung H1, sinh ngày 10/11/2018. Về tài sản chung, nợ: Không có.

Do không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Hoàng trình bày:

Anh xác định lời trình bày của chị X về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ là đúng. Giữa chị X và gia đình anh có mâu thuẫn nên anh mới quyết định về sống chung bên vợ. Anh, chị chung sống được một thời gian thì chị X nói không còn thương chồng nữa nên anh trở về nhà mẹ ruột sinh sống. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng bản thân còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị X ly hôn thì anh đồng ý giao con cho vợ nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Chị X và anh H kết hôn ngày 28/9/2017 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh K nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị X xác định mâu thuẫn giữa anh, chị đã kéo dài đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 09/2020 cho đến nay. Anh H

xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 09/2020. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị X yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị có một đứa con chung tên là Nguyễn Trung H1, sinh ngày 10/11/2018, cháu H1 đang ở chung với chị X. Chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị X hiện nay cháu H1 đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Quá trình giải vụ án anh H cũng thống nhất giao cháu H1 cho chị X tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị X. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, không ai yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về chia tài sản, nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị X và được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 10/11/2018 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001147 ngày 10/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú